

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HS-ST

Ngày: 13 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

Ông Dương Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bưởi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 07 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Bích T, sinh năm 1984 tại huyện C. Nơi cư trú: Ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th (H) (chết) và bà Hứa Thị Th (sống); tiền án: không; tiền sự: không; chồng và con: có chồng và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2015; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/5/2021 cho đến nay “có mặt”.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1933; cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt”.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Trần Thị D, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2021) “có mặt”.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Phạm Văn H, là Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt”.

- *Người làm chứng:*

Bà Trần Thị D, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

Chị Lư Thị Kim X, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt”.

Bà Võ Thị P, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt”.

Ông Trần Văn L, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

Bà Lâm Thị Mười M, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt”.

Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/3/2021 Nguyễn Bích T đến Trung tâm y tế huyện C để điều trị bệnh và được bố trí trị bệnh tại phòng số 02, tầng 3 khoa nội. Đến ngày 17/3/2021 bà Nguyễn Thị C được gia đình đưa đến Trung tâm y tế huyện C điều trị bệnh, bà C được bố trí chung phòng với T cùng một số bệnh nhân khác, sau đó T được chuyển đến phòng số 06 thuộc tầng 3 khoa nội. Khoảng 09 giờ ngày 17/3/2021 T đến phòng bệnh số 02 chơi và nói chuyện với bà Võ Thị P, T thấy ông Trần Văn L (con trai bà C) đang ngồi đếm tiền của bà C trên giường bệnh. Do thấy ông L làm rơi tiền và ông L nhặt lên bỏ vào cái ví da để vào trong túi áo bà C đang mặc trên người, sau đó cài cây kim tây lại, nên T nảy sinh ý định trộm tiền của bà C để tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 22 giờ ngày 17/3/2021 T đi từ phòng số 06 qua phòng số 02, T kêu bà P mở cửa cho T vào đi vệ sinh, bà P mở cửa cho T xong thì bà P đi ngủ. Sau khi đi vệ sinh xong T khép cửa phòng số 02 lại và đi về phòng số 06. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày T đi qua phòng số 02, quan sát thấy cửa phòng không khóa, đèn trong phòng tắt, mọi người đều đã ngủ say, T mở cửa đi vào phòng. Lúc này bà C đang nằm ngủ trên giường, T đi đến chỗ bà C dùng tay mở cây kim tây cài trên miệng túi áo của bà C đang mặc trên người lấy trộm cái ví da trong đó có số tiền 7.130.000 đồng. T để cái ví da cùng số tiền trộm được vào trong túi áo khoác đang mặc trên người và đi về phòng số 06 ngủ đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 18/3/2021, T đi vào nhà vệ sinh phòng số 06 lấy số tiền 7.110.000 đồng ra khỏi cái ví da và ném cái ví da vào sọt rác trong nhà vệ sinh của phòng số 06. Sau đó T được xuất viện về nhà. Đến khoảng 15 giờ ngày 18/3/2021 T đến Trung tâm y tế huyện C để nhận giấy xuất viện, T đi đến phòng B1/16 của tầng trệt và gửi cái túi nylon màu xám bên trong có số tiền 7.110.000 đồng cho chị Lư Thị Kim X.

Khoảng 04 giờ ngày 18/3/2021, bà Trần Thị D là con ruột bà C khi phát hiện mất tiền đã trình báo cơ quan công an. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung qua quá trình điều tra, xác minh mời T làm việc thì T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, T chỉ nơi cất giấu số tiền 7.110.000 đồng và chỉ nơi ném ví da, qua truy tìm đã thu giữ ví da, tìm thấy bên trong còn có số tiền 20.000 đồng.

Về vật chứng trong vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã thu giữ tiền Việt Nam đồng 7.130.000 đồng, bao gồm các mệnh giá là 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 21 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 17 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng; một cái ví da màu đen có hai ngăn kích thước (12x8,5x2) cm; một cái túi nylon màu xám, trên túi nylon có dòng chữ “Shop Ngọc Thức” kích thước (33x20) cm; một áo thun dài tay (áo khoác) màu tím, bên ngoài có chữ TUUNS (loại chữ thêu). Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị C số tiền 7.130.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà C đã nhận lại đủ số tiền bị mất trộm 7.130.0000 đồng và không có yêu cầu bồi thường thêm.

Tại Cáo trạng số: 14/CT-VKS-CLD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Nguyễn Bích T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung giữ nguyên quyết định truy tố về hành vi của bị cáo Nguyễn Bích T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Bích T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu, nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng của vụ án: đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu, tiêu hủy đối với: một cái ví da màu đen có hai ngăn kích thước (12x8,5x2) cm; một cái túi nylon màu xám, trên túi nylon có dòng chữ “Shop Ngọc Thức” kích thước (33 x20) cm; một áo thun dài tay (áo khoác) màu tím, bên ngoài có chữ TUUNS (loại chữ thêu).

Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến của bị cáo: thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại luật sư Phạm Văn H vắng mặt có đơn xin vắng mặt, những người làm chứng chỉ Lư Thị Kim X, bà Võ Thị P, bà Lâm Thị Mười M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của ông H và những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Nên đã có đủ cơ sở xác định: bị cáo T đã lấy trộm tài sản của bị hại Nguyễn Thị C với số tiền 7.130.000 đồng.

[4] Xét bị cáo là công dân Việt Nam, đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý lén lút lấy trộm tài sản hợp pháp của bà C để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng số: 14/CT-VKS-CLD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung truy tố bị cáo theo tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang cho người dân và gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý trách nhiệm của bị cáo trước pháp luật. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị hại sinh năm 1933, nên bị cáo có một tình tiết tăng nặng phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi bị cơ quan điều tra mời làm việc, bị cáo T đã chỉ nơi cất giấu tiền, tiền mất trộm được thu hồi và trả lại cho bị hại nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có ông ngoại Hứa Thanh N được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, có bà ngoại Nguyễn Thị Đ là thương binh. Do đó, bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Xét bị cáo thiếu hiểu biết pháp luật, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có con còn nhỏ tuổi (sinh năm 2015), có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ áp dụng hình phạt cải tạo, giáo dục bị cáo tại địa phương, để bị cáo khắc phục, sửa chữa lỗi lầm, đồng thời cũng thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Do đó, đề nghị mức hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đối với bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng được hưởng án treo là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng: tịch thu, tiêu hủy đối với một cái ví da màu đen có hai ngăn kích thước (12x8,5x2) cm; một cái túi nylon màu xám, trên túi nylon có dòng chữ “Shop Ngọc Thức” kích thước (33x20) cm; một áo thun dài tay (áo khoác) màu tím, bên ngoài có chữ TUUNS (loại chữ thêu).

[12] Về án phí: bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 2, Điều 6 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Bích T phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bích T 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2021.

Giao bị cáo Nguyễn Bích T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án: tịch thu, tiêu hủy đối với một cái ví da màu đen có hai ngăn kích thước (12x8,5x2) cm; một cái túi nylon màu xám, trên túi nylon có dòng chữ “Shop Ngọc Thức” kích thước (33x20) cm; một áo thun dài tay (áo khoác) màu tím, bên ngoài có chữ TUUNS (loại chữ thêu).

(Vật chứng nêu trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/7/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung).

4. Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Bích T phải nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện Cù Lao Dung;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người BVQVLIHP của bị hại;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan